https://medigo.vn/drug/

Cynamus

Carbocistein 125mg/5ml

"Để xa tầm tay trẻ em"
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

THÀNH PHẦN: Mỗi ống 5 ml chứa:
Thành phần hoạt chất: Carbocistein 125 mg
Thành phần tá dược: Propyl paraben, methyl paraben, monobasic natri phosphat monohydrat, dinatri hydrophosphat, natri hydroxid, sorbitol, glycerin, sucralose, gôm xanthan, hương cam, nước tinh khiết.
DẠNG BÀO CHẾ: Dung dịch uống.
Mô tả: Dung dịch trong suốt dạng trong sống nhựa.
pH: 5,5 đến 7,5
CHỈ ĐỊNH:
Thuốc được chỉ định trong các trường hợp: Ho có đờm, tăng tiết nhiều đờm và nhầy nhớt như trong viêm phế quản cấp và mạn tính, hen phế quản và giãn phế quản.
LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:
Trẻ em 2-5 tuổi: 1 ống/lần x 3-4 lần/ngày
Trẻ em 5-12 tuổi: 2 ống/lần x 3 lần /ngày
Trẻ em 12-18 tuổi: Liều thông thường 20 mg/kg thể trọng.
Người lớn: Liều ban đầu là 2250 mg/ngày, chia nhiều lần. Liều duy trì là 1500 mg/ngày đến khi đáp ứng tốt với thuốc
CHỐNG CHỈ ĐỊNH:
Quá mẫn với bất kì thành phần nào của thuốc.
Trẻ em dưới 2 tuổi.
Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:
Thận trọng với những bệnh nhân có tiền sử loét dạ dày.
Chế phẩm có chứa methyl paraben và propyl paraben, có thể gây ra các phản ứng dị ứng (có thể xảy ra chậm).
Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú
Thời kỳ mang thai: Các thực nghiệm trên động vật chưng tỏ không có tác động gây quái thai, an toàn khi sử dụng carbocistein trong thai kỳ chưa được thiết lập. Vì vậy, chỉ dùng trong thời gian mang thai khi thật sự cần thiết. Tránh sử dụng trong 3 tháng đầu của thai kì.
Thời kỳ cho con bú: Chưa có thông tin
Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và thận hành máy móc:
Cần thận khi lái xe và vận hành máy móc.
Tương tác, tương kỵ của thuốc
Khi sử dụng đồng thời, carbocistein có thể làm giảm sự thải trừ carbocistein sulfoxid trong nước tiểu.
Tác dụng không mong muốn:
Tác dụng phụ do carbocistein rất hiếm gồm có ban đỏ, buồn nôn, nhức đầu, đau cơ, chóng mặt và không kiểm soát được tiểu tiện. Rối loạn tiêu hóa có thể xảy ra khi dùng quá liều.
Các đặc tính dược lực học:
Nhóm tác dụng dược lý: Thuốc long đờm
Mã ATC: R05CB03
Carbocistein là chất làm loãng đờm. Thuốc hiệu chỉnh những bất thường trong quá trình tổng hợp glycoprotein ở nội bào làm dịch tiết ít nhầy nhớt. Carbocistein làm bình thường hóa các chức năng tiết dịch của biểu mô bề mặt và các tuyến nhầy dưới biểu mô.
Các đặc tính dược động học:
Carbocistein hấp thu tốt và nhanh qua đường tiêu hóa với nồng độ đỉnh trong huyết tương xuất hiện 90 đến 120 phút sau khi uống. Carbocistein thấm tốt qua mô phổi và niêm dịch đường hô hấp. Carbocistein được bài tiết trong nước tiểu dưới dạng không đổi và các chất chuyển hóa. Acetyl hóa, phản ứng khử carboxyl, và sulfoxid-tion đã được xác định là con đường chuyển hóa chính.
Quy cách đóng gói: 5 ml/ống nhựa. 5 ống/vỉ. Hộp 4 vỉ.
Bảo quản: Trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C. Không bảo quản trong tủ lạnh.
Hạn dùng của thuốc:
24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS

Cynamus 75 mg/ml

Carbocistein 375mg/5ml

Thành phần
Mỗi ml chứa:
Thành phần hoạt chất: Carbocistein 75 mg
Thành phần tá dược: Natri methyl parahydroxybenzoat, natri propyl parahydroxyben-zoat, monobasic natri phosphat monohydrat, dibasic natri phosphat dihydrat, natri hydroxid, sorbitol, glycerin, sucralose, hương hoa quả tự nhiên, nước tinh khiết vừa đủ
Dạng bào chế: Dung dịch uống
Mô tả: Dung dịch đồng nhất, không có tiểu phân lạ.
pH: 5,5 – 7,5
Chỉ định
Thuốc được chỉ định ở người lớn và trẻ em để điều trị trong các rối loạn hô hấp có kèm theo tăng tiết chất nhầy đặc bao gồm cả bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.
Liều dùng và cách dùng
Người lớn:
Liều dùng khởi đầu 2 ống (10 ml)/lần x 3 lần/ngày. Có thể giảm xuống 2 ống (10 ml)/lần x 2 lần/ngày khi đạt được đáp ứng tốt.
Trẻ em:
Trẻ em từ 2- 5 tuổi: ½ ống (2,5 ml)/lần x 2 lần/ngày
Trẻ em từ 5–12 tuổi: 1 ống (5 ml)/lần x 2 lần/ngày
Chống chỉ định
Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc
Bệnh nhân loét đường tiêu hóa tiến triển
Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc
Cần thận trọng ở người cao tuổi, ở những người có tiền sử loét dạ dày-tá tràng, hoặc những người dùng thuốc ức chế tương đương gây chảy máu dạ dày ruột. Nếu xuất huyết tiêu hóa xảy ra, bệnh nhân nên ngưng dùng thuốc.
Bệnh nhân có các vấn đề về di truyền hiếm gặp như không dung nạp fructose, kém hấp thu glucose-galactose hoặc thiếu enzym sucrase-isomaltase, không nên dùng thuốc này.
Thuốc này chứa natri methyl parahydroxybenzoat, natri propyl parahydroxybenzoat và có thể gây phản ứng dị ứng (có thể khởi phát muộn).
Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú
Phụ nữ có thai
Mặc dù các thử nghiệm ở loài động vật có vú cho thấy không có tác dụng gây quái thai Tử một quan điểm lâm sàng, không có dữ tất hoặc đặc tính quái thai đã xảy ra
Không có kết luận nào về việc liều carbocistein có an toàn để sử dụng trong thai kỳ hay không.
Do đó, không nên sử dụng carbocistein trong khi mang thai trừ khi cần thiết, đặc biệt là trong 3 tháng đầu.
Phụ nữ cho con bú
Hiệu quả: Không rõ thông tin
Tuy nhiên, do độc tính thấp, nguy cơ tiềm ẩn đối với trẻ em dường như không đáng kể nếu được điều trị bằng carbocistein. Do đó, có thể dùng cho phụ nữ cho con bú.
Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc
Thuốc có ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và sử dụng máy móc.
Tương tác, tương kỵ của thuốc
Sự kết hợp của các chất tiêu nhầy với thuốc chống ho và/hoặc chất làm khô chất nhầy (atropinic) là không hợp lý.
Tác dụng không mong muốn của thuốc
Việc đánh giá các tác dụng không mong muốn dựa trên các thông tin sau về tần suất
Rất phổ biến (≥ 1/10)
Hiếm (≥ 1/10000 đến < 1/1000)
Rối loạn hệ thống miễn dịch
Đã có báo cáo về sốc phản vệ và hồng ban nhiễm sắc thể cố định
Rối loạn tiêu hóa
Rất phổ biến: đau bụng, buồn nôn, tiêu chảy.
Đã có báo cáo về xuất huyết tiêu hóa xảy ra trong quá trình điều trị với carbocistein
Tân suất không xác định: nôn, xuất huyết tiêu hóa.
Trong những trường hợp như vậy, nên giảm liều lượng
Rối loạn da và mô dưới da
Hiếm gặp: ngứa, phát ban, ban đỏ, hoặc sưng mặt
Đã có báo cáo về các dị ứng phát ban. Trường hợp cách ly của viêm da bọng nước như hội chứng Stevens-Johnson cũng đã được báo cáo
Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc
Quá liều và cách xử trí
Triệu chứng
Rối loạn tiêu hóa
Xử trí
Rửa dạ dày và điều trị triệu chứng
Đặc tính dược lực học
Nhóm dược lý: Thuốc tác dụng trên đường hô hấp
Mã ATC: R05CB03
Carbocisteine (S-carboxymethyl L-cysteine) đã được chứng minh là có ảnh hưởng điều đặc tính và lượng chất nhầy glycoprotein được tiết ra bởi đường hô hấp trên các mô hình động vật khỏe mạnh và động vật bị viêm phế quản. Sự gia tăng tỷ lệ Glycoprotein acid: glycoprotein trung tính của chất nhầy và sự biến đổi tế bào huyết thanh thành tế bào chất nhầy được coi là phản ứng ban đầu đối với kích ứng và thường sẽ được theo sau bởi quá trình tăng tiết. Việc sử dụng Carbocisteine cho động vật tiếp xúc với chất kích thích chỉ ra rằng glycoprotein được duy trì tiết ra ở mức bình thường, việc sử dụng sau khi tiếp xúc cho thấy rằng việc trở lại trạng thái bình thường được đẩy nhanh. Các nghiên cứu ở người đã chứng minh rằng Carbocisteine làm giảm sự tăng sản tế bào tiết trong biểu mô đường hô hấp. Do đó, carbocisteine có thể được chứng minh là có vai trò trong việc kiểm soát các rối loạn đặc trưng bởi chất nhầy bất thường.
Đặc tính dược động học
Carbocistein sau khi uống sẽ được hấp thu nhanh; nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt được trong hai giờ.
Khả dụng sinh học thấp, khoảng 90%, do sự chuyển hóa bước một ở gan. Thời gian bán hủy là khoảng 2 giờ. Thải trừ chủ yếu qua thận ở dạng chuyển hóa.
Quy cách đóng gói:
5 ml/ống nhựa. Hộp 20 ống
Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C.
Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở

Nhà sản xuất:
Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (CPC1-HNI)
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, Thường Tín, Hà Nội

Nhà phân phối:
Công ty TNHH NOVOPHARM
Số 1C, tổ 26, Đ. Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội